TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯ NGHĨA** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16/5/2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Nhân.
2. Bà Lê Thị Bích Lan.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Như D, sinh năm: 1984.
Địa chỉ: Đội 2, thôn Hiệp Phổ Bắc, xã Hành Trung, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Đinh Duy Đ, sinh năm: 1981.
Địa chỉ: Đội 5, thôn Điện An 2, xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đ có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2021; bản tự khai ngày 09/3/2022, tại phiên hòa giải ngày 29/3/2022 nguyên đơn chị Trương Thị Như D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Duy Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại gia đình nhà anh Đ ở xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa được một thời gian. Vì kinh tế khó khăn nên

hai vợ chồng chị vào miền Nam để làm ăn nhưng do công việc không ổn định nên hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Đ ham chơi, không lo làm ăn, có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, về nhà còn gây gỗ đánh đập vợ con nên chị dẫn các con về nhà mẹ đẻ tại huyện Nghĩa Hành để sống. Gia đình cha mẹ hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Duy Đ, chị không yêu cầu Tòa án tiếp tục hòa giải.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là cháu Đinh Duy Khoa, sinh ngày: 04/10/2008 và cháu Đinh Như Vi Na, sinh ngày 05/7/2012. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung. Chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu Na mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Na đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2022. Lý do chị yêu cầu được nuôi con chung vì các con còn nhỏ, hiện do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, chị đã có việc làm ổn định, có thu nhập để đủ sống và nuôi các con ăn học.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 09/3/2022, tại phiên hòa giải ngày 29/3/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Đinh Duy Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng, anh và chị tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống với nhau. Hiện tại hai vợ chồng đang sống ly thân, không quan tâm, không liên lạc gì với nhau. Nay chị D yêu cầu ly hôn anh đồng ý nhưng với điều kiện chị D phải đưa lại số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng do em trai của anh là anh Đinh Duy Quỳnh cho vào năm 2010 để bỏ vào quỹ chung để các con của anh ăn học. Tại phiên tòa anh Đ trình bày anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên là cháu Đinh Duy Khoa, sinh ngày: 04/10/2008 và cháu Đinh Như Vi Na, sinh ngày 05/7/2012. Hiện các cháu đang sống với chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu giao các cháu Khoa và cháu Na cho chị D chăm sóc, anh đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi cháu Na mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Na đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2022. Anh đồng ý. Về cấp dưỡng nuôi cháu Khoa, chị D không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi cháu Khoa, anh thống nhất.

Về tài sản chung: Anh Đ trình bày vợ chồng anh trên giấy tờ không có tài sản chung. Nhưng vào năm 2010 em trai anh là anh Đinh Duy Quỳnh có cho vợ chồng anh số tiền là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng để cho các con anh. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần thông báo cho anh Đ để xác định người liên quan và giải quyết số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng

mà anh trình bày nhưng anh Đ không cung cấp cho Tòa và tại phiên tòa anh Đ đề nghị để anh tự giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 24/01/2022, Hội liên hiệp phụ nữ xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa cho biết: Chị D và anh Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa vào năm 2007. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì địa phương không rõ vì anh Đ và chị D không có đơn thư phản ánh sự việc đến Hội và cũng không nhờ đoàn thể can thiệp; sự việc này Chi hội phụ nữ thôn cũng không báo nên Hội không rõ mâu thuẫn.

Tại đơn xin xác nhận ngày 28/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã Hành Trung, huyện Nghĩa Hành, Công ty TNHH xây dựng và thương mại Vân Phát thể hiện: Chị Trương Thị Như D hiện đang làm công nhân tại Công ty TNHH xây dựng và thương mại Vân Phát, có mức lương cố định 6.000.000 (Sáu triệu) đồng một tháng.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi HĐXX vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Như D, cho chị D được ly hôn với anh Đ; giao con chung cháu Đinh Duy Khoa và cháu Đinh Như Vi Na cho chị D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung chị D và anh Đ đều trình bày không có, nên đề nghị không xét. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật, đề nghị buộc anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư

Nghĩa được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Như D và anh Đinh Duy Đ tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 7 năm 2007 là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về căn cứ cho ly hôn: Trong quá trình chung sống chị D và anh Đ bất đồng quan điểm, không hoà hợp trong nhận thức, tình cảm; giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện chị D và anh Đ đã sống ly thân. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể hiện được sự yêu thương, chăm sóc và không cùng nhau chia sẻ công việc gia đình, không cùng nhau thực hiện việc xây dựng gia đình. Tòa án mở phiên hòa giải để hai vợ chồng chị D và anh Đ hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng chị D cương quyết yêu cầu ly hôn. Những tình tiết nêu trên đủ chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị D và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung vợ chồng trên thực tế không còn, mục đính hôn nhân giữa chị D và anh Đ không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, chị D được ly hôn với anh Đ.

[2.2] Về việc trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn: Vợ chồng chị D và anh Đ có 02 con chung là cháu Đinh Duy Khoa, sinh ngày: 04/10/2008 và cháu Đinh Như Vi Na, sinh ngày 05/7/2012, hiện do chị D đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận định: Cháu Khoa sinh năm 2008 và cháu Na sinh năm 2012, tại thời điểm xét xử cháu Khoa và cháu Na đã trên 7 tuổi và hiện các cháu đang sống với chị D. Tại đơn xin xác nhận ngày 28/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã Hành Trung, huyện Nghĩa Hành và Công ty TNHH xây dựng và thương mại Vân Phát thể hiện: Chị Trương Thị Như D hiện đang làm công nhân tại Công ty TNHH xây dựng và thương mại Vân Phát, có mức lương cố định 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) một tháng. Căn cứ vào điều kiện thực tế, vào nguyện vọng của con Khoa, Na, HĐXX giao cho chị D được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con Đinh Duy Khoa, sinh ngày: 04/10/2008 và Đinh Như Vi Na, sinh ngày 05/7/2012 cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, phù hợp với nguyện vọng của anh Đ và các con.

Đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của chị D yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu Na mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng cho đến khi cháu Na đủ 18 tuổi, anh Đ thống nhất, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của chị Trương Thị Như D.

Anh Đ được quyền đến thăm và chăm sóc con chung không ai ngăn cản anh thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung: Chị D trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng bị đơn anh Đinh Duy Đ trình bày hai vợ chồng anh có tài sản chung là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng do em trai của anh là anh Đinh Duy Quỳnh cho vào năm 2010 để bỏ vào quỹ chung cho các con của anh ăn học nhưng anh Đ không giao nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh việc yêu cầu về tài sản chung của mình là có căn cứ và tại phiên tòa anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền này nên Hội đồng xét xử không nhận định.

[2.4] Về nợ chung: Chị D và anh Đ đều trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không nhận định.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Trương Thị Như D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng hành dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Án phí về cấp dưỡng: Anh Đinh Duy Đ phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên ghi nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Như D. Chị Trương Thị Như D được ly hôn với anh Đinh Duy Đ.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên là cháu Đinh Duy Khoa, sinh ngày: 04/10/2008 và cháu Đinh Như Vi Na, sinh ngày 05/7/2012 hiện đang sống chung với chị D cho chị D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đinh Duy Đ có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Như Vi Na mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng cho đến khi cháu Na đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Tòa án tuyên án (ngày 16/5/2022).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Khi có lý do chính đáng, chị D và anh Đ có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Na, chị D có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh Đ có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị Như D phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000978 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí cấp dưỡng: Anh Đinh Duy Đ phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

4. Quyền kháng cáo: Anh Đinh Duy Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/5/2022).Chị Trương Thị Như D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Quảng Ngãi;
-VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hòa